

## GIẤY MỜI

Thực hiện kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Võ Trọng Hải (tại Thông báo số 81/TB-UBND ngày 23/3/2023) tại cuộc họp bàn xử lý một số nội dung về lĩnh vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, trong đó có nội dung, giao Sở tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Quỹ Bảo vệ môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh văn bản xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy trình, các bước tổ chức thực hiện bảo đảm đúng quy định của pháp luật về phương án đóng cửa mỏ trên địa bàn tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức buổi làm việc.

### 1. Thành phần tham dự, kính mời:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Đ/c Lê Ngọc Huân - Giám đốc Sở (*mời chủ trì*); Trưởng các phòng: Khoáng sản, Môi trường;
- Đại diện Lãnh đạo và cán bộ chuyên môn các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Xây dựng, Công thương và Quỹ Bảo vệ môi trường.
- Đại diện Lãnh đạo UBND và phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện: Can Lộc, Đức Thọ, Hương Sơn, Kỳ Anh, Nghi Xuân, Thạch Hà; thị xã Hồng Lĩnh và thị xã Kỳ Anh.

**2. Thời gian, địa điểm:** Bắt đầu lúc 14 giờ, ngày 12/4/2023 (*thứ 4*) tại Phòng họp giao ban tầng 5 - Sở Tài nguyên và Môi trường, số 12A, đường Võ Liêm Sơn, thành phố Hà Tĩnh.

Giao phòng Khoáng sản báo cáo, đề xuất phương án thực hiện công tác đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản đối với các doanh nghiệp không thực hiện theo quy định để phục vụ buổi làm việc.

(*Gửi kèm theo danh sách các đơn vị không thực hiện công tác đóng cửa mỏ sau khai thác*).

Kính đề nghị các thành phần tham gia đầy đủ, đúng thời gian./.

### Nơi nhận :

- Như thành phần mời;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Văn phòng Sở (để p/h);
- Lưu VT, KS, ĐST.

**TL. GIÁM ĐỐC**  
**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG**  
**PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Nguyễn Việt Hà**

**PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC MỎ CHƯA ĐÓNG CỬA MỎ**  
(Kèm theo Giấy mời số /GM-STNMT ngày 11/4/2023 của Sở TN&MT)

| STT | Tên đơn vị                                   | Loại KS | Địa điểm (xã, huyện) | Số GP                      | Thời hạn (Năm) | Diện tích (ha) | Tiền đã ký quỹ (Đồng) |
|-----|----------------------------------------------|---------|----------------------|----------------------------|----------------|----------------|-----------------------|
| 1   | Công ty CP Đồng Tâm                          | Đá      | Thiên Lộc Can Lộc    | 2291/QĐ-UBND 13/7/2011     | 3              | 1,2            | 30.101.500            |
| 2   | Công ty TNHH Ngọc Hải                        | Đất     | Tùng Lộc Can Lộc     | 1576/GP-UBND 29/05/2009    | 3              | 7,3            | 33.200.000            |
| 3   | Công ty TNHH XD và TM Đông Á                 | Đất     | Cầm Hưng Cầm Xuyên   | 734/GP-UBND 28/02/2015     | 6              | 4              | 0                     |
| 4   | DNTN Công Tiến                               | Cát     | Đức Hoà Đức Thọ      | 228/GP-UBND 17/01/2014     | 2020           | 3              | 167.266.000           |
| 5   | Công ty TNHH Minh Hương                      | Đất     | An Dũng Đức Thọ      | 1468/GP-UBND 22/5/2013     | 7,5            | 3              | 164.122.000           |
| 6   | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Xuân Thành | Đất     | Trường Sơn Đức Thọ   | 1133/GP-UBND 06/04/2015    | 7              | 8              | 698.655.000           |
| 7   | Công ty CP sản xuất VLXD Thuận Lộc           | Đá      | Đậu Liêu Hồng Lĩnh   | 3359 QĐ/UB - CN 25/12/2001 | 10             | 2,4            | 141.050.000           |
| 8   | Công ty CP Sông Đà 27                        | Đá      | Đậu Liêu Hồng Lĩnh   | 521/GP-UBND 25/02/2010     | 3              | 1              | 28.300.000            |
| 9   | Công ty CP Lạc An                            | Đá      | Sơn Giang Hương Sơn  | 2009/QĐ-UBND 23/6/2011     | 3              | 1              | 14.575.000            |
| 10  | Công ty CP ĐTXD và KT mỏ Trường Thọ          | Đá      | Kỳ Tân H. Kỳ Anh     | 625/GP-UBND 11/02/2015     | Đến 2018       | 4,2            | 15.350.000            |
| 11  | Công ty TNHH sản xuất VLXD 36                | Đá      | Kỳ Tân H. Kỳ Anh     | 1502/GP-UBND 27/04/2015    | Đến 2018       | 2,8            | 59.300.000            |
| 12  | Công ty TNHH TM và Dịch vụ Lĩnh Cường Thịnh  | Đá      | Kỳ Tây H. Kỳ Anh     | 4021/GP-UBND 12/12/2013    | 10             | 3              | 260.195.000           |
| 13  | Công ty CP vật liệu và phụ gia sắt Thạch Khê | Đá      | Xuân Lĩnh Nghi Xuân  | 3217/GP-UBND 10/12/2009    | 5              | 1              | 30.812.500            |
| 14  | DNTN Cây Phượng                              | Đá      | Xuân Lĩnh Nghi Xuân  | 307/GP-UBND 30/1/2008      | 5              | 1,8            | 66.030.000            |
| 15  | Công ty CP số 999                            | Đá      | Đỉnh Bàn Thạch Hà    | 11/GP-UBND 01/04/2010      | 3              | 5,7            | 0                     |
| 16  | Công ty TNHH MTV Sơn Dương                   | Đá      | Kỳ Long TX. Kỳ Anh   | 1979/GP-UBND 02/07/2013    | 10             | 2              | 44.500.000            |
| 17  | Công ty CPXD và KTKS Miền Tây                | Đá      | Kỳ Phương TX. Kỳ Anh | 4006/GP-UBND 14/12/2009    | 5              | 8,5            | 358.683.800           |
| 18  | Công ty TNHH MTV VLXD Licogi 166             | Đá      | Kỳ Phương TX. Kỳ Anh | 1221/GP-UBND 25/4/2019     | 2,2            | 7,3            | 1.058.859.000         |
| 19  | Công ty TNHH SANVIHA                         | Đá      | Kỳ Thịnh TX. Kỳ Anh  | 2481/GP-UBND 25/8/2010     | 5              | 9,5            | 322.174.957           |
|     | <b>Tổng 19 mỏ</b>                            |         |                      |                            |                |                | <b>3.493.174.757</b>  |

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**